

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất
2. Mã chứng khoán: TNC
3. Địa chỉ trụ sở chính: 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
4. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120

II. NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Họ và tên: Nguyễn Nhật Thành Lâm
2. Địa chỉ: 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh BRVT
3. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120
4. Loại thông tin công bố: Định kỳ

III. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất công bố Báo cáo tài chính quý II/2017. Tuy nhiên do sơ xuất ở khâu nhập liệu nên số đầu kỳ của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không khớp với Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2016 đã được kiểm toán. Vì vậy Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất xin nộp lại Báo cáo tài chính quý II/2017.

Thông tin này đã được công bố trên Website của TRC tại địa chỉ: <http://trc.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP. Bà Rịa, ngày 25 tháng 7 năm 2017

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Nhật Thành Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
PHÒNG KẾ TOÁN – TÀI VỤ



C CP CAO SU THỐNG NHẤT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	100		182,852,045,729	183,815,822,833
Tiền	110		131,040,196,043	136,535,945,334
Các khoản tương đương tiền	111		21,040,196,043	16,208,274,100
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	112		110,000,000,000	120,327,671,234
Chứng khoán kinh doanh	120		30,000,000,000	20,000,000,000
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	121		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	123		30,000,000,000	20,000,000,000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	130		7,244,646,225	12,974,070,174
Trả trước cho người bán ngắn hạn	131		7,557,272,972	15,275,474,690
Phải thu nội bộ ngắn hạn	132		2,903,851,100	1,585,225,000
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	133		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	134		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	135		-	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136		2,633,590,028	2,000,338,359
Tài sản thiếu chờ xử lý	137		(5,850,067,875)	(5,886,967,875)
IV. Hàng tồn kho	139		-	-
Hàng tồn kho	140		9,500,878,159	13,053,987,208
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	141		9,500,878,159	13,053,987,208
V. Tài sản ngắn hạn khác	149		5,066,325,302	1,251,820,117
Chi phí trả trước ngắn hạn	150		4,506,230,272	-
Thuế GTGT được khấu trừ	151		-	50,805,163
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	152		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	153		560,095,030	1,201,014,954
Tài sản ngắn hạn khác	154		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		140,322,752,067	141,274,433,234
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		50,342,027,780	46,154,853,016
Tài sản cố định hữu hình	221		50,143,694,448	45,928,186,350
Nguyên giá	222		111,185,738,877	104,938,488,810
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61,042,044,429)	(59,010,302,460)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		198,333,332	226,666,666
Nguyên giá	228		340,000,000	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(141,666,668)	(113,333,334)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		61,435,573,949	66,945,862,724
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		61,435,573,949	66,945,862,724
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		26,811,175,704	26,811,175,704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-

010
NG
PH
NO S
NG N
BÀ R

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,733,974,634	1,362,541,790
Chi phí trả trước dài hạn	261		1,156,592,900	777,780,056
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		577,381,734	584,761,734
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		323,174,797,796	325,090,256,067
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		17,932,050,041	17,657,104,816
I. Nợ ngắn hạn	310		17,932,050,041	17,657,104,816
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1,159,139,363	301,047,316
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2,151,109,615	930,000,000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		396,818,798	1,552,000
Phải trả người lao động	314		616,177,834	4,328,858,406
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3,304,976,063	3,352,376,063
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		2,220,077,222	2,032,185,885
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		8,083,751,146	6,711,085,146
Quỹ bình ồ giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330			
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		305,242,747,755	307,433,151,251
I. Vốn chủ sở hữu	410		305,242,747,755	307,433,151,251
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		93,017,963,251	91,957,636,159
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19,724,784,504	22,975,515,092
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	431,360,950
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19,724,784,504	22,544,154,142
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			

TÀI SẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		323,174,797,796	325,090,256,067



TRẦN HỮU TRÍ
Người lập biểu



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 18 tháng 07 năm 2017

14/4
Y
V
J
AT
VI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã Thuyết minh	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	VND	VND	VND	VND
01	15,961,278,970	11,988,510,800	25,917,694,441	26,496,792,420
02				
10	15,961,278,970	11,988,510,800	25,917,694,441	26,496,792,420
11	12,406,817,344	11,319,314,959	19,168,117,159	24,271,151,710
20	3,554,461,626	669,195,841	6,749,577,282	2,225,640,710
21	17,285,869,049	19,617,869,354	18,392,809,416	20,840,574,321
22				
23				
24	14,650,887	21,061,220	22,198,358	33,861,220
25	2,289,205,981	2,318,405,770	3,550,801,174	4,090,333,223
30	18,536,473,807	17,947,598,205	21,569,387,166	18,942,020,588
31	231,887,675	16,407,273	283,224,316	827,216,623
32	790,676,592	32,542,045	854,931,508	59,827,583
40	(558,788,917)	(16,134,772)	(571,707,192)	767,389,040
50	17,977,684,890	17,931,463,433	20,997,679,974	19,709,409,628
51	662,364,287	(95,133,026)	1,265,515,470	284,862,206
52	1,000,000	8,740,000	7,380,000	15,989,114
60	17,314,320,603	18,017,856,459	19,724,784,504	19,408,558,308
70	899	936	1,025	1,008
71	899	936	1,025	1,008

(Handwritten signature)

TRẦN HỮU TRÍ
Người lập bảng

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Kế toán trưởng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯÔNG
Phó Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 18 tháng 07 năm 2017



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		20,997,679,974	19,709,409,628
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		2,692,512,009	2,441,903,976
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(36,900,000)	(2,233,935,906)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17,481,338,118)	(19,338,692,796)
Chi phí lãi vay	06			
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		6,171,953,865	578,684,902
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		6,058,049,036	381,840,983
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		3,553,109,049	15,340,185,865
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(2,410,090,245)	(5,957,922,912)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(4,885,043,116)	(5,329,638,392)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			(2,722,334,498)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4,742,522,000)	(2,402,499,675)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3,745,456,589	(111,683,727)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(2,129,049,296)	(6,225,543,240)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		107,180,000	13,680,000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10,000,000,000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24			-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18,133,809,416	20,182,574,321
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6,111,940,120	13,970,711,081
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15,353,146,000)	(665,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15,353,146,000)	(665,000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(5,495,749,291)	13,858,362,354
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		136,535,945,334	154,470,970,498
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		131,040,196,043	168,329,332,852

S.W.T.P.T.B.A.H.

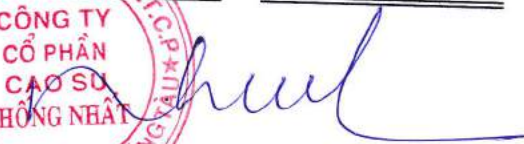


TRẦN HỮU TRÍ
Người lập bảng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Kế toán trưởng





NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần thứ 3 vào ngày 15/7/2016, vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

3. Ngành nghề kinh doanh: Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;

+ Nông Trường Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Nhà máy CB Mủ Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;

+ Nhà máy CB Mủ Cao Su Phong Phú - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Xí nghiệp CBNS Phước Hưng – Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo số về Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

00

00

00

00

00

00

00

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

8. Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

8.1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm.

8.2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với

100%
CÔNG TY
IẢN
SU
HẤT
A-VUP

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

10. Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

12. Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

15. Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Đồng Nai, Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Phát triển Công nghệ và Dịch vụ Sáng Tạo	TP.HCM, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai, Việt Nam	Bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	788.838.430	714.873.088
- Tiền gửi ngân hàng	20.251.357.613	15.493.401.012
- Các khoản tương đương tiền	110.000.000.000	120.327.671.234
Tổng cộng:	131.040.196.043	136.535.945.334

a) Chi tiết tiền mặt tại quỹ	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	358.792.772		358.792.772
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	9.395.543		9.395.543
Tại quỹ NTCS Phong Phú	25.297.560		25.297.560
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	86.313.099		86.313.099
Tại quỹ Xí nghiệp CBNS Phước Hưng	309.039.456		309.039.456
Tổng cộng:	788.838.430	-	788.838.430

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	VND	USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng tàu	9.063.918.542		9.063.918.542
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	7.971.086.207		7.971.086.207
Maritime Bank - Chi nhánh Vũng Tàu	3.190.084.473		3.190.084.473
VietinBank - Chi nhánh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	26.268.391		26.268.391
Tổng cộng:	20.251.357.613	-	20.251.357.613

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	110.000.000.000	120.327.671.234
Tổng cộng:	110.000.000.000	120.327.671.234

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
b1) Ngắn hạn	30.000.000.000	30.000.000.000		20.000.000.000	20.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	30.000.000.000	30.000.000.000		20.000.000.000	20.000.000.000	
b2) Dài hạn						
c) Đầu tư góp	Cuối kỳ			Đầu năm		

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

vốn vào đơn vị khác	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26.811.175.704		26.811.175.704	26.811.175.704		26.811.175.704

(*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

3. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	7.557.272.972	5.532.247.875
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.219.180.000	4.219.180.000
Công ty TNHH MTV Thăng Thăng Lợi	90.450.000	
Châu Thị Hồng Điệp	40.316.720	24.161.760
Nguyễn Thị Thu Hồng		37.595.070
Huỳnh Thị Thanh Hương	2.238.390	13.923.000
Công ty cổ phần Long sơn		6.709.483.383
Công ty TNHH QUILON VN	1.157.528.821	1.684.386.446
Công ty TNHH MTV Phạm Công Bình	63.895.500	11.513.000
Công ty TNHH Thuận Hoà Lộc		50.590.500
Công ty Cổ phần Thăng Lợi - Bình Thuận		469.742.490
DNTN TM Tuyệt Sơn	57.874.500	92.220.000
Công ty TNHH Thành Lợi	612.711.166	612.711.166
Các khách hàng là Đại lý bán cám	1.313.067.875	1.313.067.875
b) Phải thu của khách hàng dài hạn		
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Tổng cộng:	7.557.272.972	5.532.247.875

J.N.3/1
 C
 C
 C
 THỔ
 7/A-T.1

4. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.903.851.100	1.585.225.000
Viện nghiên cứu cao su Việt Nam	136.415.600	
Công ty CP Đất Đỏ	1.398.400.000	1.398.400.000
Công ty TNHH Tư vấn công nghệ Âu Lạc	20.097.000	
Công ty TNHH Xây Dựng Xuân Thọ	703.000.000	
Công ty TNHH TMDV Điện Tân Phát	90.575.000	90.575.000
Công ty TNHH SX TM Phương Uyên	96.250.000	96.250.000
Công ty TNHH TV Đầu tư xây Dựng Tín Việt	178.380.500	
Công ty TNHH MTV Cơ Khí BK	237.732.000	
Công ty TNHH CP Tư vấn thiết kế Hưng Việt	4.000.000	
Phạm Anh Dương	39.000.000	
b. Trả trước cho người bán dài hạn		
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan		
Tổng cộng:	2.903.851.100	1.585.225.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

5. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.633.590.028	317.820.000	2.000.338.359	317.820.000
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000	17.820.000	317.820.000	317.820.000
Phải thu bảo hiểm người lao động	726.159.254		341.436.641	
Trợ cấp ốm đau, thai sản phải thu				
Phải thu thuế TNCN người lao động			29.831.718	
Lãi tiền gửi phải thu	1.202.600.000		943.600.000	
Phải thu phụ cấp HĐQT & Ban Kiểm toán nội bộ.	146.000.000		303.000.000	
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	153.750.000		52.650.000	
Tiền ký quỹ (TK 2441)	5.000.000		5.000.000	
Phải thu khác XNNS Phước Hưng	7.000.000		7.000.000	
Phải thu khác (Thuế TNCN)	75.260.774			
b) Dài hạn				
Tổng cộng:	2.633.590.028	317.820.000	2.000.338.359	317.820.000

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.850.067.875	5.886.967.875
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.537.000.000	4.537.000.000
Nguyễn Thị Ký	1.000.000	1.000.000
Dương Thị Yến	60.000.000	70.000.000
Lê Ngọc Tùng	91.364.340	96.364.340
Dương Minh Chiến	50.379.160	52.379.160
Nguyễn Văn Phước	6.550.000	6.550.000
Lê Thị Trúc Lệ	59.115.235	59.115.235
TT Khuyến Nông	8.320.000	8.320.000
Nguyễn Thanh Tự	59.500.000	60.500.000
Anh Hoàng - Long Phước	2.933.500	2.933.500
Nguyễn Thị Hồng Phượng	246.776.700	249.776.700
Lê Hữu Vinh	1.600.000	2.000.000
Nguyễn Thanh Quang	24.450.000	27.450.000
Phạm Ngọc Dũng	18.366.740	20.866.740
Ngô Văn Bu	482.712.200	482.712.200
Dương Văn Lợi	200.000.000	210.000.000
b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên quan	-	-
Tổng cộng:	5.850.067.875	5.886.967.875

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tổng cộng:				

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

8. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Tổng cộng:					

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	2.372.614.701	-	537.079.095	-
- Công cụ, dụng cụ	750.264.444	-	601.033.942	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	479.385.636	-	13.250.714	-
- Thành phẩm	5.898.613.378	-	11.902.623.457	-
- Hàng hoá	-	-	-	-
Tổng cộng:	9.500.878.159	-	13.053.987.208	-

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sx kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
Chi phí vườn ươm bầu tại NTCS HB2	-	-	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	61.435.573.949	-	66.945.862.724	-
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	9.255.379.528	-	9.846.878.177	-
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	52.164.419.574	-	56.953.143.700	-
Chi phí XDCB nhà máy Bầu Non	-	-	140.300.000	-
Chi phí mua sắm nhà máy phong phú	10.234.000	-	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản khác	5.540.847	-	5.540.847	-
Tổng cộng:	61.435.573.949	-	66.945.862.724	-

00
 N
 P
 O
 G
 R

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

1. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Vườn cây cao su</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	39.717.294.505	20.489.258.294	3.372.410.718	1.432.022.320	40.267.502.973	105.278.488.810
- Mua trong năm			862.117.245			862.117.245
- Đầu tư XDCB hoàn thành		140.300.000				140.300.000
- Tăng khác					5.877.269.528	5.877.269.528
- Thanh lý, nhượng bán	232.269.796	400.166.910				-
- Giảm khác						632.436.706
Số dư cuối năm	39.485.024.709	20.229.391.384	4.234.527.963	1.432.022.320	46.144.772.501	111.525.738.877
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	32.612.570.262	13.061.586.562	3.302.385.373	1.205.355.654	8.941.737.943	59.123.635.794
- Khấu hao trong năm	919.682.172	843.396.650	33.702.460	28.333.334	867.397.393	2.692.512.009
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán	232.269.796	400.166.910				-
- Giảm khác						632.436.706
Số dư cuối năm	33.299.982.638	13.504.816.302	3.336.087.833	1.233.688.988	9.809.135.336	61.183.711.097
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	7.104.724.243	7.427.671.732	70.025.345			45.928.186.350
- Tại ngày cuối năm	6.185.042.071	6.724.575.082	898.440.130		31.325.765.030	50.342.027.780

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	<i>Chương trình phần mềm</i>
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	340.000.000
Số dư cuối kỳ	
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	113.333.334
- Khấu hao trong năm	28.333.334
Số dư cuối kỳ	141.666.668
Giá trị còn lại	226.666.666
- Tại ngày đầu năm	226.666.666
- Tại ngày cuối kỳ	198.333.332

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Số tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	8.273.192.728	3.766.962.456	4.506.230.272
Khấu hao tài sản cố định chờ phân bổ		2.692.512.009	1.292.718.713	1.399.793.296
Chi phí tiền thuê đất nông nghiệp chờ phân bổ		1.710.263.286	585.605.400	1.124.657.886
Chi phí bảo hiểm phải nộp chờ phân bổ		1.057.006.546	535.413.325	521.593.221
Chi phí khác (Chi phí vật tư, CCDC chờ phân bổ, chi phí khác bằng tiền...)		2.813.410.887	1.353.225.018	1.460.185.869
b. Chi phí trả trước dài hạn	777.780.056	743.323.616	364.510.772	1.156.592.900
Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC xuất dùng	777.780.056	743.323.616	364.510.772	1.156.592.900
Tổng cộng:	777.780.056	9.016.516.344	4.131.473.228	5.662.823.172

14. Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn:	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ		
b) Dài hạn	577.381.734	584.761.734
- Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	577.381.734	584.761.734
+ Dự phòng phải trả phí dịch vụ pháp lý theo hợp đồng số 02/2015/VPLS-TN	-	-
+ Trích chi phí thực hiện trích đo, lập bản đồ địa chính theo HĐ 01/2015/ĐĐ-TN	320.727.273	320.727.273
+ Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi - Đại lý Nhà máy CB thức ăn chăn nuôi Hưng Long	256.654.461	264.034.461
Tổng cộng:	577.381.734	584.761.734

15. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.159.139.363	1.159.139.363	301.047.316	301.047.316
Nguyễn thành Trung			31.740.000	31.740.000
Công ty cổ phần Long Sơn			66.000.000	66.000.000
Công ty TNHH XD Mỹ Khánh	58.644.000	58.644.000	81.000.000	81.000.000
Nguyễn Thị Hạnh	5.415.951	5.415.951	23.710.836	23.710.836
Nguyễn Thị Tuyết	157.343.780	157.343.780	98.596.480	98.596.480
Nguyễn thị Hồng Minh	1.176.680	1.176.680		
Nguyễn thị Hồng Đăng	1.089.972	1.089.972		
Nguyễn thị Thu Hồng	37.195.279	37.195.279		
Lê Thị Châu	8.690.240	8.690.240		

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bùi thị Tuyết Nhung	8.441.708	8.441.708		
Công ty TNHH Phân Bón Hữu cơ Bách Tùng	95.323.000	95.323.000		
Công ty CP Bảo vệ Thực Vật Sài Gòn	231.181.253	231.181.253		
Công ty TNHH Hoa Anh Đào	554.637.500	554.637.500		
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)				

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP TM-DV-DL Cao su	632.600.000	632.600.000
Công ty TNHH Đầu Tư Thái Quốc Bảo		297.400.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thành Long	1.133.804.385	
Công ty TNHH Phát Triển Thái Dương	384.705.230	
Tổng cộng:	2.151.109.615	930.000.000

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng		1.107.366.504	(985.388.856)	121.977.648
Thuế tiêu thụ đặc biệt		-	-	-
Thuế Xuất nhập khẩu		-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(992.009.360)	1.265.515.473		273.506.110
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(62.412.600)	339.543.417	(346.286.070)	(69.155.253)
Thuế tài nguyên	1.552.000	3.464.960	(3.681.920)	1.335.040
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(146.592.994)	1.710.263.286	(2.054.610.069)	(490.939.777)
Thuế bảo vệ môi trường		-		
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.308.615	(3.308.615)	-
Tổng cộng:	(1.199.462.954)	4.438.462.252	(3.402.275.530)	(163.276.232)
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	1.201.014.954			560.095.030
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.552.000			396.818.798

(*) Tiền thuế TNCN phải nộp âm là do điều chỉnh giảm số thuế TNCN năm 2016 theo quyết toán với số tiền là 108.663.430 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

18. Phải trả người lao động	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương còn lại phải trả	616.177.834	4.328.858.406
Tổng cộng:	616.177.834	4.328.858.406

19. Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	3.304.976.063	3.352.376.063
Tiền ăn giữa ca		103.695.000
- NTCS Phong Phú	14.460.000	29.715.000
- NTCS Hòa Bình	32.655.000	60.480.000
- Nhà máy CBM Bàu Non	4.500.000	8.415.000
- Nhà máy CBM Phong Phú	4.680.000	5.085.000
Tiền thuê đất	1.597.544.699	1.597.544.699
Chi phí thuê xe	-	-
Chi phí kiểm toán BCTC	47.500.000	47.500.000
Chi phí trích lập, đo vẽ bản đồ đất	1.603.636.364	1.603.636.364
b) Dài hạn	-	-
Tổng cộng:	3.304.976.063	3.352.376.063

20. Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	2.220.077.222	2.032.185.885
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	282.588.250	382.588.250
Công ty TNHH TK XD Núi Đất	42.000.000	42.000.000
Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn	21.700.000	21.700.000
Công ty TNHH An Hạ	49.200.000	49.200.000
DNTN Lê Lê Khánh	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Hoàng Diệp	16.695.000	16.695.000
DNTN Dương Hải	3.135.000	3.135.000
Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong	60.000.000	60.000.000
Cty TNHH MTCL Sài Gòn	14.858.250	14.858.250
Công ty TNHH Hữu Minh		100.000.000
Lê Quốc Tuấn	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH Công nghiệp Hằng Phong	16.088.765	16.088.765
Công ty TNHH Xây Dựng 30/04	4.400.000	4.400.000
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Đại Xương Thạnh	107.800.000	107.800.000
Công ty TNHH Điện tử An Cô Việt	80.500.000	80.500.000
Công ty TNHH Xây dựng Xuân Thọ	30.000.000	
Công ty TNHH Hoa Anh Đào	30.000.000	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.190.235.968	1.143.381.968
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	247.426.902
Nguyễn Thanh Tông (Nhân Viên DNTN Phát Hưng nộp tiền Bình Điện)	50.000.000	50.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Các khoản phải trả ,phải nộp khác	181.037.337		
b) Dài hạn			
- Lãi vay	-		-
- Các khoản khác			
Tổng cộng:	2.220.077.222		2.032.185.885

21. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
-------------------------------------	-------------------	-------------------

22. Dự phòng nợ phải trả	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
	-	-		-
Tổng cộng:	-	-		-

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Sử dụng quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	5.408.116.018	3.018.294.000	2.676.800.000	5.749.610.018
Quỹ phúc lợi	1.302.969.128	3.018.989.000	2.066.417.000	2.255.541.128
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ		-		-
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty	-	78.600.000		78.600.000
Tổng cộng:	6.711.085.146	6.115.883.000	4.743.217.000	8.083.751.146

24. Vốn chủ sở hữu

<i>a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	192.500.000.000	88.326.440.768	21.612.573.341	302.439.014.109
- Lãi trong năm nay			22.544.154.142	22.544.154.142
- Lỗ trong năm nay				
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		3.631.195.391	(3.631.195.391)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi			(7.405.017.000)	(7.405.017.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành			(120.000.000)	(120.000.000)
- Chia cổ tức			(9.625.000.000)	(9.625.000.000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(400.000.000)	(400.000.000)
- Giảm khác				
Số dư cuối năm trước	192.500.000.000	91.957.636.159	22.975.515.092	307.433.151.251
Số dư đầu năm nay	192.500.000.000	91.957.636.159	22.975.515.092	307.433.151.251

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Lãi trong năm nay			19.724.784.504	19.724.784.504
- Lỗ trong năm nay				
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		1.060.327.092	(1.060.327.092)	-
- Giảm quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi			(6.036.588.000)	(6.036.588.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành			(78.600.000)	(78.600.000)
- Chia cổ tức			(15.400.000.000)	(15.400.000.000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(400.000.000)	(400.000.000)
Số dư cuối kỳ	192.500.000.000	93.017.963.251	19.724.784.504	305.242.747.755

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)	98.175.000.000	98.175.000.000
- Cổ đông khác (49%)	94.325.000.000	94.325.000.000
Cộng	192.500.000.000	192.500.000.000

c) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.250.000	19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000	19.250.000

* **Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10,000 VND**

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ		
Ngoại tệ (USD)		
Nợ khó đòi đã xử lý		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Doanh thu bán mũ cao su	11.875.261.900	7.889.630.300
Doanh thu gia công mũ cao su	7.857.400	10.047.000
Doanh thu gia công điều	3.548.562.570	3.527.039.900
Doanh thu bán vỏ điều	519.873.500	
Doanh thu phơi điều	9.723.600	
Doanh thu khác		561.793.600
Tổng cộng	15.961.278.970	11.988.510.800

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

1. Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán		
Hàng bán bị trả lại		
Tổng cộng:	0	0

2. Giá vốn hàng bán	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Giá vốn bán mũ cao su	8.533.627.308	8.664.185.116
Giá vốn gia công mũ cao su	7.662.076	9.355.167
Giá vốn gia công điều	2.681.484.804	3.067.073.874
Giá vốn bán vỏ điều	339.010.000	
Giá vốn khác		496.235.874
Giá vốn bán phơi điều	13.905.156	
Giá vốn bán mũ kính doanh	831.128.000	
Tổng cộng	12.406.817.344	12.236.850.031
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho		(917.535.072)
Tổng cộng	12.406.817.344	11.319.314.959

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.594.036.149	1.223.803.354
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.691.832.900	18.394.066.000
Tổng cộng	17.285.869.049	19.617.869.354

4. Chi phí tài chính	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Tổng cộng:	0	0

5. Chi phí bán hàng	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Chi phí bốc xếp mũ cao su xuất bán	14.650.887	21.061.220
Tổng cộng	14.650.887	21.061.220

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Chi phí nhân viên	1.575.780.994	1.050.574.260
Khấu hao tài sản cố định	66.571.578	52.251.475
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	46.453.601	
Chi phí trợ cấp mất việc làm	165.452.530	747.959.945
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	439.947.278	516.320.090
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	(5.000.000)	(48.700.000)
Tổng cộng	2.289.205.981	2.318.405.770
Các khoản giảm trừ chi phí quản lý		
Tổng cộng	2.289.205.981	2.318.405.770

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

7. Thu nhập khác	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định(Cây cao su gãy đổ)	102.670.000	13.680.000
Thu từ điều nhân thứ phẩm	35.417.500	
Thu khác	93.800.175	2.727.273
Tổng cộng	231.887.675	16.407.273

8. Chi phí khác	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Chi phí(giảm chi phí đầu tư vườn cây XDCB)	759.651.298	
Chi phí khấu hao tài sản không liên quan	24.660.829	
Chi phí khác	6.364.465	32.542.045
Tổng cộng	790.676.592	32.542.045

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.314.320.603	18.017.856.459
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	17.314.320.603	18.017.856.459
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	899	936

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý II Năm nay	Quý II Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.268.529.786	701.219.510
Chi công cụ dụng cụ	878.384.966	
Chi phí nhân công	5.167.346.587	3.897.656.716
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.401.102.181	1.193.666.452
Chi phí khác bằng tiền	1.000.312.938	294.392.519
Cộng	9.715.676.458	6.086.935.197

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không
- Thông tin về các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng thực nhận trong kỳ.

Thu nhập	Số lượng	Tiền lương	Thưởng	Phụ cấp	Cộng (VNĐ)
- Hội đồng quản trị	05			54.000.000	54.000.000
- Ban Kiểm toán nội bộ	03			12.000.000	12.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	03	190.500.000	83.280.000		273.780.000
Cộng		190.500.000	83.280.000	66.000.000	339.780.000

Giao dịch với các bên có liên quan

Căn cứ tại Điểm 1.1, Khoản 1, Điều 7 và Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Quý II năm 2017 (đồng)
- Công ty bán cây cao su gây đổ cho Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn, Phó Giám đốc là thành viên HĐQT Công ty	102.670.000
- Công ty mua phân hữu cơ vi sinh của Công ty TNHH Phân bón hữu cơ Bách Tùng	Cổ đông lớn, Giám đốc là thành viên HĐQT Công ty.	953.230.000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất được tổ chức 02 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, là:

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Nông trường cao su Phong Phú, Nhà máy chế biến mù cao su Bàu Non; Chuyên khai thác, sơ chế, kinh doanh cao su...

- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế, kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân

BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT QUÝ II NĂM 2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	VĂN PHÒNG CÔNG TY	XÍ NGHIỆP PHƯỚC HƯNG	TỔNG CỘNG
(1)	(2)	(3)	(4)
1. Doanh thu thuần	11.883.119.300	4.078.159.670	15.961.278.970
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			-
3. Khấu hao	1.181.130.230	219.971.951	1.401.102.181
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.914.635.211	1.063.049.679	17.977.684.890
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	6.739.386.773		
6. Tài sản bộ phận	308.977.090.140	14.197.707.656	323.174.797.796
7. Tài sản không phân bổ			-
Tổng Tài sản	308.977.090.140	14.197.707.656	323.174.797.796
8. Nợ phải trả bộ phận	17.769.290.310	162.759.731	17.932.050.041
9. Nợ phải trả không bộ phận			-
Tổng Nợ phải trả	17.769.290.310	162.759.731	17.932.050.041

Ghi chú: Cột 4: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

5. Thông tin so sánh:
6. Thông tin về hoạt động liên tục:
7. Những thông tin khác:

Người lập

(Ký, họ tên)



Trần Hữu Trí

Kế toán trưởng



Nguyễn Nhật Thành Lâm

Bà Rịa, ngày 18 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Hữu Mạnh Nhung